ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:397 /KH-UBND	*Đại Sơn, ngày* 24 *tháng* 10 *năm 2026*

KẾ HOẠCH
Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo xã Đại Sơn giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, ngày 27/6/2025; Quyết định số 604/QĐ-TTg, ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN, ngày 24/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 385/KH-UBND ngày 30/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Hải Phòng 5 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn ban hành Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMST) xã giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp được giao cho cấp xã tại Kế hoạch số 385/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố, phù hợp với điều kiện, thế mạnh và đặc thù của xã Đại Sơn.

- Xác định rõ nội dung công việc, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện làm căn cứ xây dựng kế hoạch hằng năm, tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá việc thực hiện.

- Đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

- Triển khai kịp thời, thống nhất, hiệu quả, có lộ trình; bám sát chỉ tiêu, nhiệm vụ của thành phố; tránh trùng lặp, dàn trải, lãng phí nguồn lực.

- Phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ sản phẩm; tăng cường phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị, các thôn, khu dân cư và doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn.

- Lồng ghép nội dung KH, CN&ĐMST vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã; chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Kết quả thực hiện được đánh giá theo quy định, làm rõ số lượng, chất lượng và hiệu quả; kịp thời đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã Đại Sơn; năng lực tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ của cán bộ, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh được nâng lên rõ rệt; chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước và sản xuất, kinh doanh được triển khai đồng bộ, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2028	Đến năm 2030
1	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn có hoạt động đổi mới sáng tạo (đóng góp vào chỉ tiêu chung của thành phố: trên 40% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo)	%	25	> 40 (đối với doanh nghiệp)
2	Sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc thù của xã hoàn thành đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ	%	50	100
3	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh được hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng	đơn vị	≥ 05	≥ 10
4	Sản phẩm chủ lực của xã được hỗ trợ xây dựng, duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc	sản phẩm	≥ 05	≥ 10
5	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, chuyển đổi số, KH, CN&ĐMST	%	100	100
6	Thôn có Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả	%	100	100

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2028	Đến năm 2030
7	Mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ trong nông nghiệp, thủy sản, bảo vệ môi trường được xây dựng, nhân rộng	mô hình	02	> 04
8	Nhiệm vụ KH, CN&ĐMST do xã đề xuất, đặt hàng hoặc tham gia phối hợp thực hiện với Sở Khoa học và Công nghệ (lũy kế)	nhiệm vụ	03	05
9	Sáng kiến, giải pháp, mô hình cải tiến kỹ thuật, cải cách hành chính được công nhận, áp dụng (lũy kế)	sáng kiến	06	15

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, hoàn thiện cơ chế, đổi mới quản lý nhà nước về KH, CN&ĐMST

a) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Kế hoạch số 385/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và Nhân dân; đa dạng hóa hình thức truyền thông trên hệ thống truyền thanh cơ sở, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, các nền tảng số của xã.

b) Lồng ghép nội dung KH, CN&ĐMST vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và các chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của xã, bảo đảm phù hợp quy hoạch, chiến lược, chương trình đã được phê duyệt, không trùng lặp, không dàn trải. Đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 và các năm tiếp theo, gắn với mục tiêu tăng trưởng bình quân từ 13%/năm, thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân khoảng 14%/năm giai đoạn 2027 - 2030 và 06 dự án hạ tầng ưu tiên của xã.

c) Chủ động xác định nhu cầu, vấn đề thực tiễn, nhu cầu đổi mới công nghệ của địa phương; rà soát, đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ các bài toán lớn, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST xuất phát từ thực tiễn của xã để tổng hợp vào danh mục ưu tiên của thành phố; xác định rõ đơn vị tiếp nhận, địa chỉ ứng dụng kết quả. Căn cứ thực tiễn của xã, ưu tiên đề xuất các bài toán: (1) xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và nâng tỷ lệ phân loại rác tại nguồn; (2) ứng dụng công nghệ trong nuôi, chế biến, bảo quản rươi, cáy và cá lồng trên sông Thái Bình; (3) nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; (4) số hóa tài liệu lưu trữ, liên thông phần mềm chuyên ngành. Mỗi năm đề xuất ít nhất 01 bài toán, nhiệm vụ trước kỳ đặt hàng của Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Thực hiện đầy đủ chế độ cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo về tình hình triển khai, kết quả ứng dụng và tác động của các chương trình, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ; cập nhật dữ liệu lên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của thành phố theo quy định.

đ) Tăng cường triển khai thực hiện việc phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân hoạt động KH, CN&ĐMST.

2. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Hằng năm, cử cán bộ, công chức tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng do thành phố tổ chức cho cán bộ cấp xã về quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, kỹ năng số, chuyển đổi số; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn tại chỗ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của xã theo kế hoạch.

b) Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng lao động theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghiệp trong giai đoạn mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xác định nhu cầu kỹ năng, đặt hàng đào tạo.

c) Triển khai các chính sách phát triển, thu hút và trọng dụng nhân lực KH, CN&ĐMST theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

d) Phát huy vai trò của đội ngũ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, nghệ nhân, người sản xuất giỏi trên địa bàn trong chuyển giao, nhân rộng tiến bộ kỹ thuật; khuyến khích phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Phát huy vai trò của nghệ nhân, thợ giỏi làng nghề thêu ren Xuân Nẻo, các hộ nuôi rươi, cáy, cá lồng trên sông Thái Bình, Hội Nông dân; phát động phong trào sáng kiến trong cán bộ, công chức, giáo viên, công nhân và nông dân.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng

a) Rà soát, lập danh sách và khảo sát nhu cầu của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn về đổi mới công nghệ, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, bảo đảm đo lường; giới thiệu, kết nối để tham gia các chương trình hỗ trợ của thành phố, ưu tiên các cơ sở có tiềm năng làm mô hình điểm.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tiếp cận và thụ hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi thuế, hỗ trợ không hoàn lại, hỗ trợ thuê hạ tầng khoa học,

công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các Nghị quyết số 17, 18, 19 và 20/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố; phổ biến chính sách đến từng đối tượng.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng mã số, mã vạch và xây dựng, duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, ưu tiên sản phẩm OCOP, nông sản, thực phẩm và sản phẩm chủ lực của xã.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, giao dịch công nghệ trên Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị Hatex.vn, các sự kiện kết nối, triển lãm; khuyến khích thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

đ) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả năng lượng, xử lý chất thải, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn; phối hợp tổ chức đối thoại doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4. Phát triển tài sản trí tuệ, khai thác và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

a) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ 100% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù và các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP của xã hoàn thành đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, gắn với công tác quản lý, phát triển, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau bảo hộ.

b) Tham gia Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 (Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 13/02/2026): giới thiệu các tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp của xã đủ điều kiện để được hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và quản trị tài sản trí tuệ; hỗ trợ khai thác, thương mại hóa các tài sản trí tuệ sau khi được xác lập quyền.

c) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh và người dân; phối hợp tổ chức các lớp tập huấn do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì; kết nối với điểm tư vấn sở hữu trí tuệ tại Hải Phòng.

d) Rà soát, phát hiện, giới thiệu các kết quả nghiên cứu, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật có tiềm năng ứng dụng tại xã để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ hoàn thiện, chuyển giao, thương mại hóa.

5. Ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế - xã hội của xã

a) Về nông nghiệp, thủy sản: Xây dựng, nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học, nhà màng, tưới thông minh, cảm biến IoT, bản đồ số, drone trong quản lý đồng ruộng, phun thuốc bảo vệ thực vật và nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật; chuyển giao công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch,

xử lý chất thải chăn nuôi theo mô hình kinh tế tuần hoàn; phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, mô hình làng thông minh.

b) Về bảo vệ môi trường, quản lý đô thị và hạ tầng: Ứng dụng công nghệ giám sát, cảnh báo sớm ô nhiễm, quản lý rác thải, nước thải; ứng dụng bản đồ số, GIS trong quản lý đất đai, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

c) Về y tế, giáo dục: Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa (telehealth) theo lộ trình của thành phố; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, học liệu số, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo trong các cơ sở giáo dục thuộc xã quản lý, phù hợp hướng dẫn của ngành.

d) Về quản lý xã hội, an ninh trật tự: Ứng dụng dữ liệu số, camera giám sát, các nền tảng số trong bảo đảm an ninh trật tự, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên địa bàn. Phát huy vị thế xã trọng điểm về quốc phòng: ứng dụng công nghệ số trong quản lý lực lượng dân quân tự vệ, nguồn công dân; phối hợp Công an xã tuyên truyền cài đặt, sử dụng VNeID, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo đảm an toàn thông tin hệ thống của xã.

đ) Về văn hóa, du lịch: Số hóa thông tin các di tích đã được xếp hạng trên địa bàn xã và lễ hội truyền thống bằng mã QR, VR360 (hiện mới số hóa một số di tích); xây dựng nội dung giới thiệu du lịch văn hóa - tâm linh, du lịch trải nghiệm gắn với làng nghề trên Mini app "Đại Sơn số" và các nền tảng số.

6. Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh số hóa, ứng dụng quản lý trên môi trường số đối với hồ sơ, văn bản, dữ liệu của cơ quan nhà nước trên địa bàn xã; xây dựng, cập nhật, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu của xã; kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống của thành phố và Trung tâm điều hành thông minh (IOC) theo quy định.

b) Tiếp tục rà soát, đề xuất đơn giản hóa, số hóa quy trình, thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

c) Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn; tổ chức tập huấn, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, tài khoản định danh điện tử, nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh; chú trọng hỗ trợ người cao tuổi và nhóm đối tượng yếu thế.

d) Hằng năm, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng. Duy trì 100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng chuyển đổi số, an toàn thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

7. Mở rộng hợp tác, đặt hàng và tham gia các nhiệm vụ KH, CN&ĐMST

a) Chủ động đề xuất, phối hợp tham gia các nhiệm vụ, chương trình KH, CN&ĐMST cấp thành phố có nội dung phù hợp với định hướng và nhu cầu của xã, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, môi trường, y tế, giáo dục.

b) Tham gia các hoạt động khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm do thành phố tổ chức theo Chương trình đẩy mạnh hợp tác trong nước về KH, CN&ĐMST và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 – 2030.

c) Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành trong đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ xuất phát từ bài toán thực tiễn của địa phương, tránh các nghiên cứu chưa sát nhu cầu thực tế của người dân; tạo điều kiện thuận lợi để các nhiệm vụ được ứng dụng, nhân rộng sau nghiệm thu.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, nguồn huy động hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác; ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, khuyến khích huy động nguồn lực xã hội.

2. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được phân công, Phòng Văn hóa- Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế tổng hợp, dự toán kinh phí thực hiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn; bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, đúng mục đích, đúng đối tượng, không dàn trải, lồng ghép với các chương trình, nhiệm vụ khác trên địa bàn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan thường trực, đầu mối tham mưu, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; làm đầu mối liên hệ với Sở Khoa học và Công nghệ; chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch hằng năm cụ thể hóa Kế hoạch này.

- Chủ trì tham mưu nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước; phối hợp với Phòng Kinh tế xã tổ chức rà soát, xác định nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã, đề xuất các bài toán, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST của xã.

- Chủ trì tham mưu công tác tuyên truyền, truyền thông về KH, CN&ĐMST; ứng dụng công nghệ số trong y tế, giáo dục, văn hóa; triển khai giáo dục STEM, kỹ năng số trong các cơ sở giáo dục thuộc xã quản lý.

- Tham mưu phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực KH, CN&ĐMST theo quy định. Chủ trì tham

mưu tổ chức bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức; duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu kinh phí triển khai Kế hoạch hằng năm.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện; đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

2. Phòng Kinh tế

- Chủ trì tham mưu các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng suất, truy xuất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ, OCOP; ứng dụng khoa học, công nghệ trong nông nghiệp, thủy sản, môi trường.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa- Xã hội xác định nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn; xây dựng dự toán triển khai thực hiện Kế hoạch hằng năm.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trung tâm phục vụ hành chính công

- Phối hợp triển khai ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành; phối hợp thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, số hóa hồ sơ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

- Chủ trì, phối hợp ứng dụng công nghệ, số hóa hồ sơ và dữ liệu thuộc lĩnh vực tư pháp - hộ tịch; số hóa quy trình, thủ tục hành chính; kết nối, chia sẻ dữ liệu với IOC và các hệ thống của thành phố.

4. Công an xã

Chủ trì ứng dụng công nghệ, dữ liệu số trong bảo đảm an ninh trật tự, an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên địa bàn.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị - xã hội, hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, thanh niên và Nhân dân tham gia các phong trào ứng dụng KH, CN&ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong triển khai Kế hoạch.

6. Các thôn; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn

Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia các chương trình hỗ trợ, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, áp dụng tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc; thực hiện chế độ cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu.

7. Chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá

- Các phòng, ban, đơn vị, thôn báo cáo kết quả thực hiện gửi Phòng Văn hóa- Xã hội trước ngày 05/12 hằng năm để tổng hợp.

- Thực hiện giám sát, đánh giá định kỳ hằng năm, giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết vào cuối kỳ năm 2030; gắn kết quả thực hiện với việc phân bổ nguồn lực và đánh giá, xếp loại trách nhiệm của người đứng đầu; kịp thời điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp theo yêu cầu thực tiễn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, ban, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND xã (qua Phòng Văn hóa- Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đào Văn Soái

PHỤ LỤC
Phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch KH, CN&ĐMST xã Đại Sơn giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số .../KH-UBND ngày ... tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
1	Tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết 57-NQ/TW, Luật KH, CN&ĐMST, Kế hoạch 385/KH-UBND	Phòng Văn hóa - Xã hội	Phòng Kinh tế; MTTQ và các đoàn thể	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
2	Xây dựng kế hoạch KH, CN&ĐMST hằng năm; lồng ghép vào kế hoạch kinh tế - xã hội	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị	Hằng năm (quý IV)
3	Rà soát, đề xuất bài toán lớn, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST của xã gửi Sở KH&CN	Phòng VHXH	Các phòng, ban; doanh nghiệp, HTX	Hằng năm
4	Cử cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng về KH&CN, đo lường, sở hữu trí tuệ, kỹ năng số do thành phố tổ chức	Phòng VHXH	Các phòng chuyên môn và Trung tâm	Hằng năm
5	Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng số, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng VHXH	Các phòng chuyên môn; Trung tâm phục vụ hành chính công; Đoàn thanh niên	Hằng năm
6	Khảo sát nhu cầu, hỗ trợ doanh nghiệp, HTX áp dụng tiêu chuẩn, hệ thống quản lý, cải tiến năng suất, chất lượng, bảo đảm đo lường	Phòng Kinh tế	Doanh nghiệp, HTX trên địa bàn xã	Hằng năm
7	Hỗ trợ xây dựng, duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số, mã vạch cho sản phẩm chủ lực, OCOP	Phòng Kinh tế	HTX, cơ sở sản xuất	Giai đoạn 2026- 2030
8	Phổ biến, hướng dẫn tiếp cận chính sách theo Nghị quyết 17, 18, 19, 20/2025/NQ-HĐND	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban; doanh nghiệp	Hằng năm
9	Hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ 100% sản phẩm OCOP đăng ký bảo hộ	Phòng Kinh tế	HTX, hộ sản xuất	Giai đoạn 2026- 2030
10	Xây dựng, nhân rộng mô hình ứng dụng KH, CN trong nông nghiệp, thủy sản (IoT, tưới thông minh, nhà màng, drone...)	Phòng Kinh tế	HTX, hộ sản xuất	Giai đoạn 2026- 2030
11	Ứng dụng công nghệ giám sát, cảnh báo ô nhiễm; quản lý rác thải, nước thải	Phòng Kinh tế	Công an xã; thôn	Giai đoạn 2026- 2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
12	Hồ sơ sức khỏe điện tử, khám chữa bệnh từ xa; giáo dục STEM, kỹ năng số tại các trường học trên địa bàn xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trạm y tế; các trường học	Theo lộ trình của thành phố
13	Số hóa hồ sơ, quy trình TTHC; kết nối, chia sẻ dữ liệu với IOC của thành phố	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các cơ quan,đơn vị	Từ năm 2026- 2030
14	Duy trì Tổ công nghệ số cộng đồng; hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ quan chuyên môn; Công an xã; Đoàn thanh niên; thôn	Thường xuyên
15	Ứng dụng công nghệ, dữ liệu số bảo đảm an ninh trật tự, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân	Công an xã	Văn phòng HĐND và UBND xã	Thường xuyên
16	Hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp	Phòng Kinh tế	Đoàn Thanh niên; Hội Phụ nữ; Hội Nông dân	Hằng năm
17	Phát động phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích (nuôi rươi, cáy, cá lồng, chế biến thủy sản, thêu ren, cải cách hành chính)	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội MTTQ và các đoàn thể; các trường học	Hằng năm
18	Số hóa thông tin các di tích xếp hạng trên địa bàn xã và lễ hội truyền thống bằng mã QR, VR360; xây dựng nội dung du lịch số trên Mini app "Đại Sơn số"	Phòng Văn hóa - Xã hội	Văn phòng HĐND và UBND xã; Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công; các thôn	Giai đoạn 2027- 2029
19	Cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo theo yêu cầu của Sở KH&CN; đánh giá giữa kỳ, tổng kết Kế hoạch	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị	Hằng năm; giữa kỳ 2028; tổng kết 2030